

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2022/DS-ST

Ngày 11 tháng 8 năm 2022

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Dư Thị Út**

- Bà **Khuru Liên Dung**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Đặng Văn Kép** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 69/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Hải D**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà **Lê Kim P**, sinh năm 1967

Địa chỉ: Số H, đường L, Khóm M, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Giang Yến N**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Số B, đường H, Khu D, Khóm C, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Hải D trình bày: Ngày 16/3/2019, bà Lê Kim P có vay của ông D số tiền 16.400.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, cam kết đến 03 tháng sẽ trả gốc và lãi. Khi đến hạn ngày 16/6/2019 ông D có tìm bà P để lấy tiền nhưng bà P cự hèn nhiều lần nhưng không trả. Ông D có yêu cầu Khóm 10, Phường 1 giải quyết. Tổ hòa giải của Khóm 10 có mời ông D và bà P đến làm việc, bà P đề nghị giảm lãi, chỉ trả nợ gốc và ông D cũng đồng ý nhưng sau đó bà P cũng chỉ trả được 01 lần 400.000 đồng và 01 lần là 500.000 đồng, đến nay không trả tiếp.

Yêu cầu bà Lê Kim P trả lại cho ông D số tiền đã vay gốc là 15.500.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án, theo mức lãi suất nhà nước quy định. Đối với số tiền yêu cầu bà P trả nợ gốc 500.000 đồng và tiền lãi 16.800.000 đồng, nay xin rút lại.

Bị đơn bà Lê Kim P trình bày: Cách nay mấy năm không nhớ thời gian cụ thể, bà P có vay tiền nhiều lần của vợ ông Trần Hải D, không nhớ tên cụ thể chỉ gọi là C số tiền có lần 3.000.000 đồng, có lần 2.000.000 đồng, nợ tiền mua quần áo khoảng 2.000.000 đồng, vay nhiều lần không nhớ tổng cộng bao nhiêu. Các khoảng tiền này trả theo hình thức góp hàng ngày, lãi suất là 20% (nếu vay 1.000.000 đồng thì phải trả 1.200.000 đồng, góp mỗi ngày đến khi nào trả đủ thì thôi). Khi vay không có lập biên nhận, khi trả tiền góp cũng không có làm giấy tờ. Sau khi trả góp một thời gian, không nhớ cụ thể thời gian nào, bao lâu, bà P không có khả năng trả nợ, nên hai bên có tổng kết nợ vốn và nợ lãi thành số nợ cụ thể là 16.400.000 đồng, tại Khóm 10, Phường 1, thành phố Bạc Liêu bà P cũng thừa nhận có nợ khoảng tiền này, có cam kết trả nợ cho ông D mỗi tháng 500.000 đồng, nhưng sau đó bà P chỉ trả được một lần 500.000 đồng, một lần 300.000 đồng, trả cho vợ ông D, không lập biên nhận. Hiện chỉ còn nợ lại vợ ông D 15.600.000 đồng. Bà P chỉ có nợ vợ ông D, không có nợ ông D.

Hiện nay sức khỏe bà P không được tốt nên không thể đi làm thuê, không có thu nhập nên không có khả năng trả nợ. Bà P còn nợ vợ ông D số tiền là 15.600.000 đồng, bà P yêu cầu được trả dần tiền số tiền này, còn tiền lãi ông D đòi bà P không đồng ý trả do bà P không có khả năng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Giang Yến N trình bày: Bà N thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông D. Ngày 16/3/2019, bà Lê Kim P có vay của ông D số tiền 16.400.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, cam kết đến 03 tháng sẽ trả gốc và lãi. Khi đến hạn ngày 16/6/2019 bà P cự hèn nhiều lần nhưng không trả. Ông D có yêu cầu Khóm 10, Phường 1 giải quyết. Tổ hòa giải của Khóm 10 có mời ông D và bà P đến làm việc, bà P đề nghị giảm lãi, chỉ trả nợ gốc và ông

D cũng đồng ý nhưng sau đó bà P cũng chỉ trả được 400.000 đồng, đến nay không trả tiếp.

Bà N không trực tiếp cho vay, ông D là người cho vay. Đến nay theo ông D cho biết, sau khi hòa giải ở Phường 1 bà P chỉ trả được một lần là 500.000 đồng. Bà P giao tiền 500.000 đồng cho bà N. Ngoài lần giao cho bà N 500.000 đồng thì bà P không trả thêm khoản tiền nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hải D đối với bà Lê Kim P về việc yêu cầu trả số tiền vay gốc là 15.500.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đình chỉ đối với yêu cầu đã rút của ông D.

Bà Lê Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào ý kiến của các đương sự; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Trần Hải D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Kim P trả số nợ vay gốc và tiền lãi, nên đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng dân sự, cụ thể là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Lê Kim P có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Do đó vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn ông Trần Hải D, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Giang Yến N có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Kim P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng

mặt bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc 500.000 đồng, tiền lãi 16.800.000 đồng.

Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút nêu trên của ông D.

Ông D không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[5] Xét yêu cầu trả số tiền nợ gốc 15.500.000 đồng của ông D:

Ông D xác định vào ngày 16/3/2019, bà Lê Kim P có vay của ông D số tiền 16.400.000 đồng, cam kết đến 03 tháng sẽ trả gốc và lãi. Khi đến hạn trả nợ bà P không trả. Ông D có yêu cầu Khóm 10, Phường 1 giải quyết, tại buổi hòa giải bà P thừa nhận còn nợ ông D số tiền 16.400.000 đồng.

Bà P cũng xác định tại buổi hòa giải bà P thừa nhận còn nợ ông D số tiền 16.400.000 đồng, có ký tên vào biên bản hòa giải. Nhưng bà P xác định số tiền này bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi nhưng không xác định được cụ thể tiền gốc bao nhiêu và tiền lãi bao nhiêu. Ngoài lời trình bày của bà P thì bà P không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày của mình về số tiền nợ 16.400.000 đồng là tiền nợ gốc và lãi cộng lại, nên lời trình bày của bà P là không có căn cứ chấp nhận.

Bà P cho rằng số tiền 16.400.000 đồng, bà P nợ vợ ông D là bà N, không nợ ông D. Tuy nhiên, ông D và bà N đều xác định số tiền này bà P nợ ông D. Cho nên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bà P có nợ ông D số tiền 16.400.000 đồng, đây là tiền nợ gốc.

Ông D xác định trong tiền tiền 16.400.000 đồng, sau buổi hòa giải bà P đã trả được 900.000 đồng, bà P xác định đã trả cho ông D số tiền 800.000 đồng, lời trình bày của ông D về số tiền bà P đã trả xét thấy là có lợi cho bà P nên được chấp nhận. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D về việc yêu cầu bà P trả cho ông D số tiền còn nợ là 15.500.000 đồng.

[6] Đối với tiền lãi: Ông D yêu cầu bà P trả tiền lãi tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày giải quyết xong vụ án trên số nợ gốc 15.500.000 đồng, theo mức lãi suất nhà nước quy định.

Ông D xác định khi vay thỏa thuận lãi suất 3%/ tháng, bà P xác định thỏa thuận lãi suất là 20% trên số tiền vay, trả gốc lãi theo ngày.

Xét thấy các bên có thỏa thuận về lãi suất nhưng không có cơ sở xác định rõ mức lãi suất cụ thể do lời trình bày của các đương sự còn có sự mâu thuẫn về lãi

suất, các bên cũng có tranh chấp về lãi suất. Cho nên, căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định về lãi suất, mức lãi suất áp dụng trong trường hợp này là 10%/năm.

Ông D xác định thời gian vay tiền là ngày 16/3/2019, bà P không nhớ chính xác ngày tháng vay tiền, cho nên Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày của ông D, xác định ngày vay tiền là ngày 16/3/2019. Từ ngày vay tiền đến nay không có căn cứ xác định bà P có trả tiền lãi cho ông D, cho nên bà P phải trả tiền lãi cho ông D tính từ ngày vay tiền. Ông D yêu cầu tính tiền lãi trên số nợ gốc 15.500.000 đồng, đây là sự tự nguyện của ông D, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tính từ ngày vay tiền 16/3/2019 đến ngày xét xử 11/8/2022, thời gian tính lãi là 03 năm 04 tháng 25 ngày, thành tiền 5.274.306 đồng.

[7] Về án phí: Xét thấy yêu cầu của ông D được chấp nhận toàn bộ, nên bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì án phí.

[8] Về quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228; điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463, 465, 466 Bộ luật Dân sự;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hải D đối với bà Lê Kim P.

2. Buộc bà Lê Kim P có trách nhiệm trả cho ông Trần Hải D số tiền 20.774.306 đồng. Trong đó, nợ gốc là 15.500.000đ (Mười lăm triệu năm trăm ngàn đồng) và tiền lãi tính từ ngày 16/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/8/2022 là 5.274.306 đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng

bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hải D đối với bà Lê Kim P đối với yêu cầu trả số tiền nợ gốc 500.000 đồng, tiền lãi 16.800.000 đồng.

4. Về án phí: Bà Lê Kim P phải chịu 1.038.715 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Trần Hải D không phải chịu án phí. Ông D đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 820.000 đồng theo biên lai số 0007376 ngày 04 tháng 03 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại toàn bộ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đã ký

Lê Hồng Lam

Biên bản kết thúc lúc giờ phút cùng ngày, có đọc lại cho thành phần Hội đồng xét xử cùng nghe xác nhận là đúng.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Hồng Lam